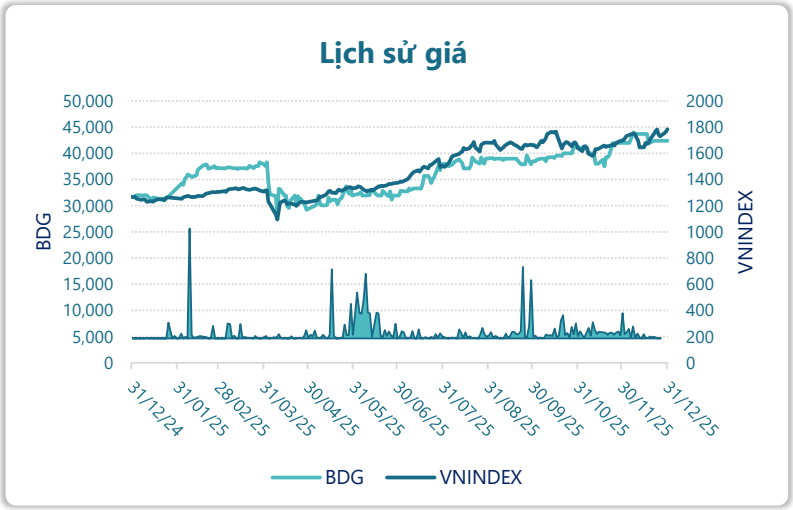
FireAnt

CTCP May mặc Bình Dương (UPCOM: BDG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**42,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,162
SL cổ phiếu LH	24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)	970
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,052
P/E	8.4
EPS	5,054

DT thuần

Q4/25

473

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.0| -6.6%

LN sau thuế

Q4/25

51.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0| 69.1%

YoY: ▼28.0| -35.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

10.1%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần

2025

1,762

tỷ VNĐ

YoY: ▼55.0| -3.0%

LN sau thuế

2025

136

tỷ VNĐ

YoY: ▼40.0| -22.7%

ROE

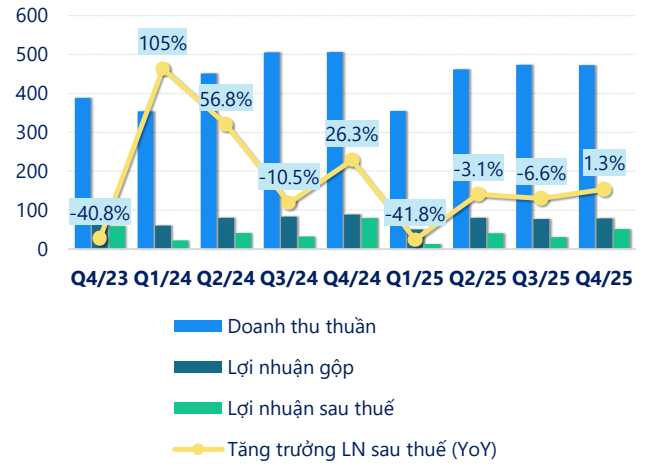
2025

18.3%

+/- YoY: ▼ 9.1%

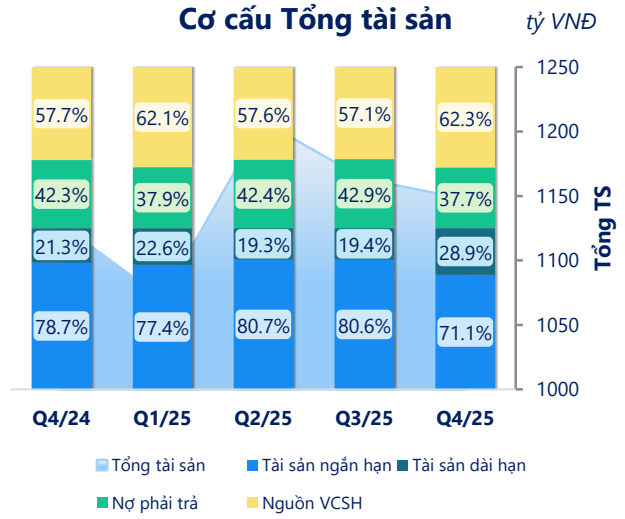
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



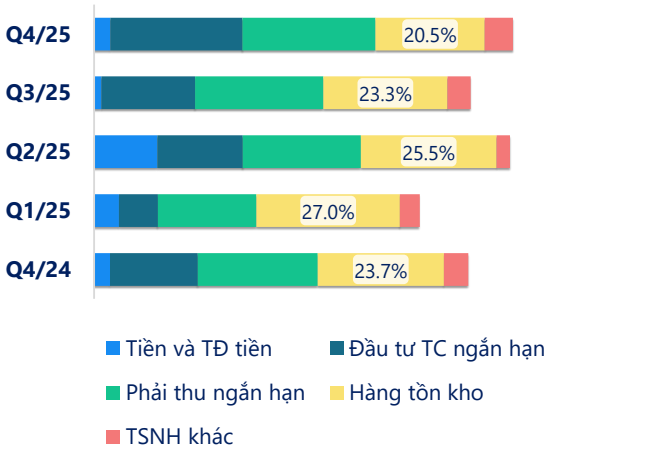
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



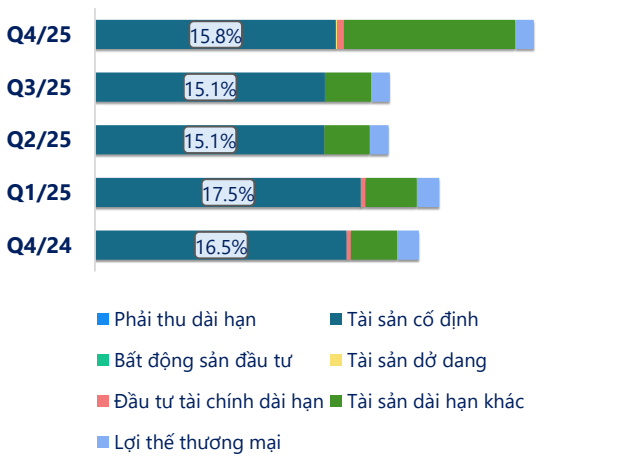
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



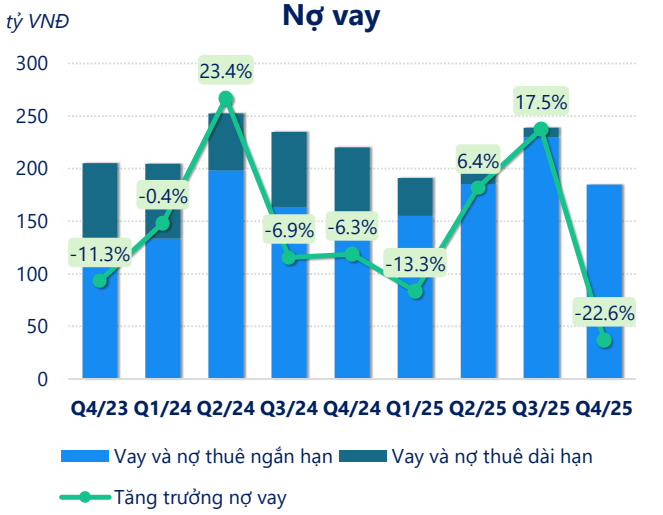
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



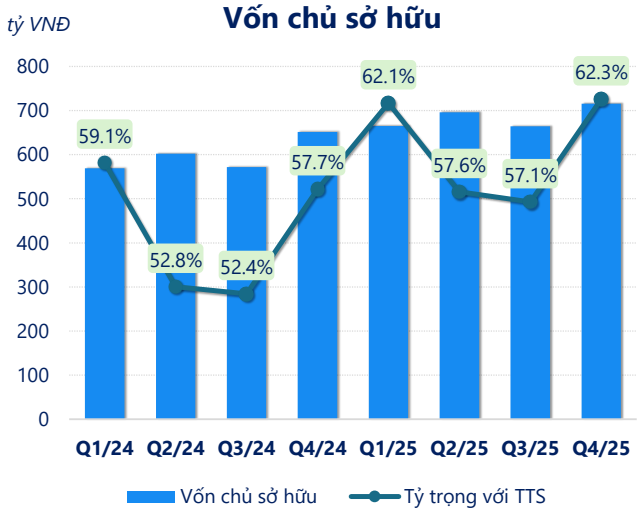
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



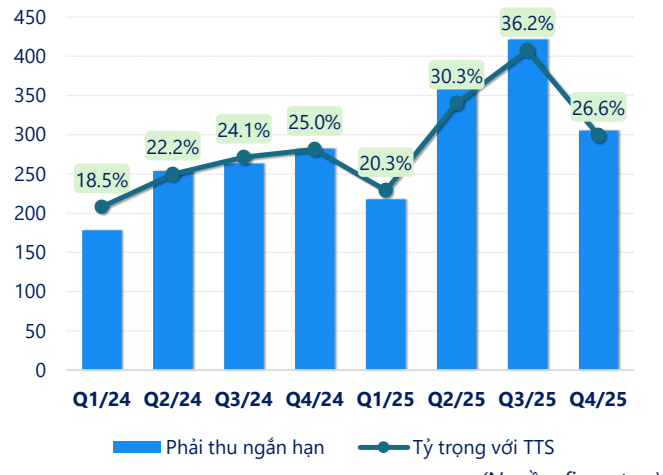
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



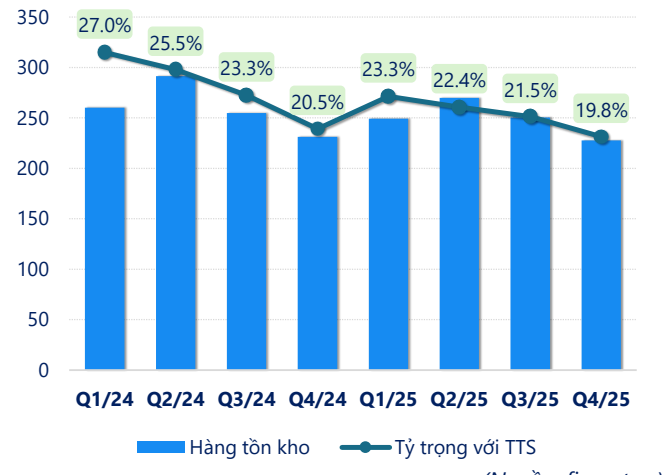
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



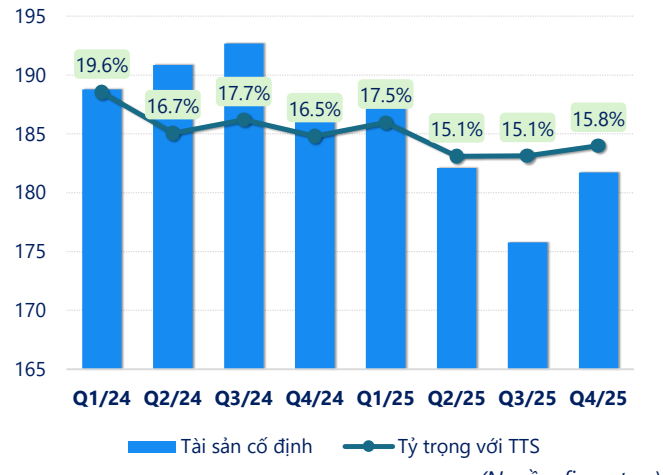
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



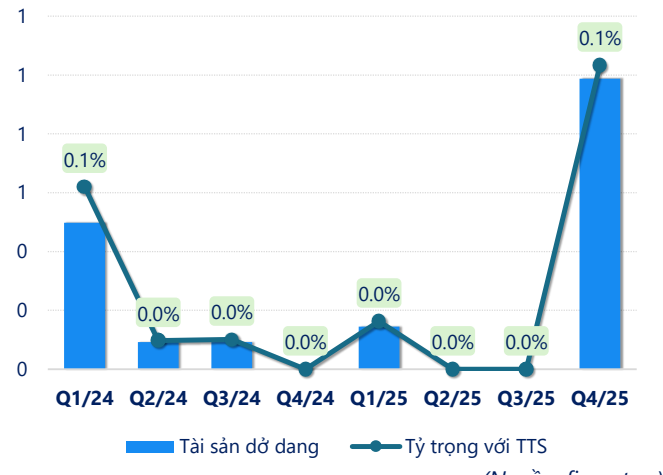
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



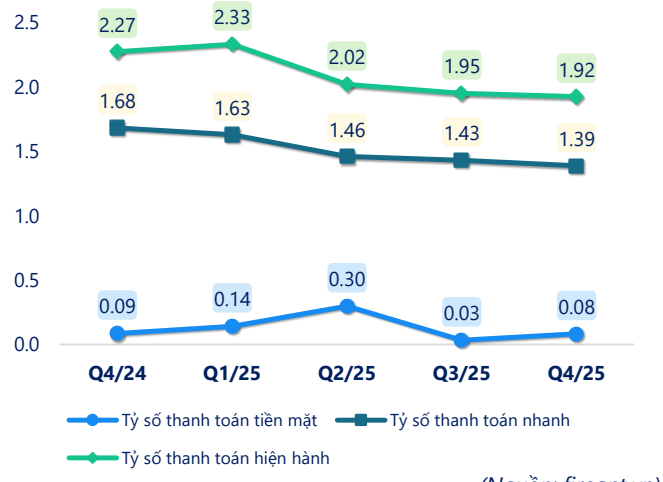
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



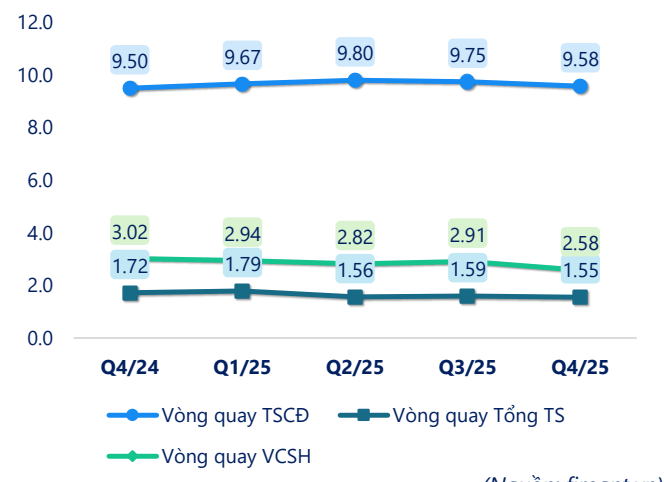
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,128**	**1,071**	**1,208**	**1,163**	**1,148**
Tài sản ngắn hạn	**887**	**828**	**974**	**938**	**816**
Tiền và tương đương tiền	33.7	50.3	144	15.9	35.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	280	235	150	184	187
Phải thu ngắn hạn	282	218	365	421	305
Hàng tồn kho	231	249	270	250	228
Tài sản ngắn hạn khác	59.9	75.6	44.8	66.6	61.5
Tài sản dài hạn	**240**	**242**	**233**	**226**	**331**
Phải thu dài hạn	0.61	0.20	0.28	0.28	0.28
Tài sản cố định	186	187	182	176	182
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.15	0	0	0.99
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0	0	5.00
Tài sản dài hạn khác	34.4	36.4	36.0	35.3	130
Lợi thế thương mại	16.1	15.6	15.0	14.5	13.9
Nợ phải trả	**477**	**406**	**512**	**499**	**432**
Nợ ngắn hạn	**390**	**355**	**482**	**481**	**424**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	149	155	185	230	185
Phải trả người bán ngắn hạn	121	132	184	135	132
Nợ dài hạn	86.3	50.1	29.5	18.5	8.21
Vay và nợ thuê dài hạn	71.4	35.9	17.9	8.92	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**651**	**665**	**696**	**664**	**715**
Vốn chủ sở hữu	**651**	**665**	**696**	**664**	**715**
Vốn điều lệ	248	248	248	248	248
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)